

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11/10/2018

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị An

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1 Ông Đinh Quốc Việt

2, Bà Dương Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi – Thư ký TAND huyện Đồng Hỷ

- **Đại diện VKSND huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đại Dương

- Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự :

- **Nguyên đơn:** Anh **Âu Văn L** - sinh năm 1988

- **Bị đơn:** Chị **Bùi Thị V** - sinh năm 1987

HKTT: Xóm B, xã Q, huyện Đ, tỉnh T.

(các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14/5/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Âu Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại xóm B, xã Q. Trong quá trình chung sống, mấy năm đầu, tình cảm vợ chồng vui vẻ, không có mâu thuẫn gì. Từ khoảng tháng 12/2017, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, mỗi khi anh đi làm về, vốn đã mệt mỏi thì chị V lại hay phàn nàn, nghi ngờ anh đi ra ngoài có mối quan hệ khác. Do vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, thỉnh thoảng anh có về nhà nhưng vợ chồng không còn

quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được vì anh không còn tình cảm gì với chị V nữa, tình trạng hôn nhân không thể cải thiện nên anh không muốn tiếp tục chung sống với chị V. Anh giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 2 con chung là Âu Duy P, sinh ngày 01/7/2012 và Âu Duy K, sinh ngày 11/2/2017. Hiện nay, cả hai con đang ở với mẹ nhưng anh vẫn có trách nhiệm chu cấp đầy đủ để nuôi con cùng chị V. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị V mỗi người nuôi 1 con. Anh vẫn có trách nhiệm chu cấp nuôi con cho chị V tùy theo yêu cầu của chị V.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có ngôi nhà xây 01 tầng tại xóm B, xã Q, huyện Đ, tỉnh T. Khi ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vợ chồng anh tự thỏa thuận.

Về nợ chung của vợ chồng: Anh xác định không có.

Bị đơn chị Bùi Thị V khai: Về việc kết hôn và thời điểm kết hôn, tình cảm vợ chồng đúng như anh L trình bày. Tuy nhiên, về tình trạng hôn nhân, mặc dù chị thừa nhận từ đầu năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân, anh L không về nhà chung sống với chị nữa, chỉ thỉnh thoảng về qua nhà, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nhưng chị xác định mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Chị muốn vợ chồng tiếp tục cuộc hôn nhân vì các con cần có bố mẹ. Do vậy, chị không nhất trí yêu cầu xin ly hôn của anh L.

- Về con chung: Chị thừa nhận lời khai của anh L về con chung và trách nhiệm chu cấp nuôi con là đúng. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn, chị cũng nhất trí mỗi người nuôi một con, chị xin được nuôi con thứ hai vì cháu còn nhỏ, chị yêu cầu anh L nuôi con lớn và mỗi tháng chu cấp nuôi con thứ hai 3.000.000đ (ba triệu đồng) vì sức khỏe của chị yếu, hay ốm đau, anh L có công việc và thu nhập ổn định hơn. Còn về chỗ ở, hiện tại, chị vẫn đang sống ổn định tại ngôi nhà của vợ chồng.

Về tài sản chung: Chị cũng xác định vợ chồng có 01 ngôi nhà như anh L trình bày và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: Chị cũng xác định không có.

Tại phiên tòa, anh L nhất trí yêu cầu của chị V về việc nuôi con: anh nuôi con Âu Duy P, chị V nuôi con Âu Duy K. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con

Âu Duy Khôi 3.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 35, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Âu Văn L, cho anh L được ly hôn chị V. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh L nuôi con lớn là Âu Duy P, chị V nuôi con thứ hai là Âu Duy K. Anh L cấp dưỡng nuôi cháu Khôi 3.000.000đ/tháng. Về tài sản: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu. Về án phí: anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] **Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại xóm B xã Q, huyện Đ, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng việc hòa giải không thành nên phải ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai.

[2.] **Về nội dung:** Anh Âu Văn L và chị Bùi Thị V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh T năm 2011 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của các bên đương sự thấy rằng: Anh L và chị V đã có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc bên nhau nhưng từ cuối năm 2017, vợ chồng sống ly thân, cả hai cùng thừa nhận không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Về nguyên nhân mâu thuẫn, phía anh L xác định do vợ chồng không hợp nhau, còn chị V cho rằng mâu thuẫn chỉ là bình thường, chưa đến mức trầm trọng. Tuy nhiên, qua lời khai của các bên đương sự thấy rằng, giữa anh L và chị V không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau nữa, việc ly thân chính là biểu hiện của sự mâu thuẫn trầm trọng, cả hai cùng vi phạm quy định Điều 19 Luật hôn nhân gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Như vậy, anh L và chị V đã không thực hiện quy định nêu trên của Luật Hôn nhân gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ chồng....vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được...”*.

Trong trường hợp này, có đủ căn cứ xác định anh L và chị V đã vi phạm nghiêm trọng quy định về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình như đã viện dẫn ở trên. Tòa án cũng đã hai lần hòa giải nhưng không thành. Tại phiên tòa, anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho anh L được ly hôn chị V là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng anh L, chị V có 02 con chung là Âu Duy P, sinh ngày 01/7/2012 và Âu Duy K, sinh ngày 11/2/2017. Tại phiên tòa, anh L và chị V thống nhất thỏa thuận: Anh L nuôi con đầu là Âu Duy P, chị V nuôi con thứ hai là Âu Duy K. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Âu Duy K mỗi tháng 3.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng, sự thỏa thuận của các đương sự là không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh L và chị V. Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các bên đương sự có quyền thỏa thuận lại hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con khi thấy cần thiết.

Về tài sản chung, các đương sự đều xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà xây 01 tầng tại xóm B, xã Q, huyện Đ, T nhưng các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Các đương sự đều xác định không có.

Án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước, được trừ 300.000đ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Âu Văn L đối với chị Bùi Thị V

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Âu Văn L được ly hôn chị Bùi Thị V.

2. Về con chung: Anh L và chị V có 02 con chung là Âu Duy Phong và Âu Duy Khôi. Công nhận sự thỏa thuận của anh L và chị V về việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con như sau: Anh L trực tiếp nuôi dưỡng con Âu Duy P, sinh ngày 01/7/2012. Chị V trực tiếp nuôi con Âu Duy K, sinh ngày 11/2/2017. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Âu Duy K 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con Âu Duy K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu L pháp luật, chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Tài sản chung: Không giải quyết.

Nợ chung: Các đương sự đều xác định không có

* **Án phí:** Anh L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 12/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai số 0016037. Còn phải nộp tiếp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi Cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Q, H.Đ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Thị An